

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ LĨNH VỰC SỨC KHỎE TẠI MỘT SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

VŨ MINH HIẾU

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội
VŨ MẠNH TIẾN

Trường Đại học Y tế công cộng

Nhận bài ngày 06/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

This study examines the accreditation results of 47 master's programs in health at 13 higher education institutions in Vietnam. Data were obtained from the Ministry of Education and Training database and accreditation results published by educational quality assurance agencies and analyzed using descriptive statistics. The programs achieved a mean criterion score of 4.11, and the proportion of criteria met averaged approximately 93%, ranging from 80% to 100%. However, notable proportions of programs failed to meet four criteria concerning program learning outcomes, course syllabi, the contribution of individual courses to program learning outcomes, and methods for assessing student learning. Based on these findings, the study recommends refining program learning outcomes, strengthening the alignment between course syllabi and program learning outcomes, and diversifying and improving methods for assessing student learning to support continuous quality improvement in master's programs in health.

Keywords: Accreditation, Health, Master's programs.

1. Đặt vấn đề

Kiểm định chất lượng giáo dục đại học (GDĐH) là một công cụ quan trọng nhằm bảo đảm và thúc đẩy cải tiến chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục (CSGD). Hoạt động kiểm định không chỉ xác định mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng mà còn cung cấp cơ sở để CSGD rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo (CTĐT), phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá và các điều kiện bảo đảm chất lượng (UNESCO, 2019; Ta et al., 2022). Đối với lĩnh vực Sức khỏe, vai trò này đặc biệt quan trọng do chất lượng đào tạo có liên quan trực tiếp đến năng lực chuyên môn của nguồn nhân lực y tế. Ở trình độ thạc sĩ, CTĐT không chỉ hướng đến phát triển kiến thức chuyên sâu và năng lực nghiên cứu, mà còn cần đáp ứng yêu cầu thực tiễn về chăm sóc sức khỏe, quản lý y tế và sự phát triển của khoa học sức khỏe.

Tại Việt Nam, hoạt động kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐT trước đây được thực hiện theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH. Bộ tiêu chuẩn theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, là cơ sở để đánh giá và công nhận chất lượng các chương trình được sử dụng trong nghiên cứu này. Từ năm 2025, hoạt động kiểm định chất lượng CTĐT được thực hiện theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Quy định mới tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu cải tiến chất lượng liên tục và tăng cường sự tương thích với các tiếp cận bảo đảm chất lượng trong khu vực và quốc tế. Vì vậy, việc phân tích kết quả kiểm định của các chương trình đã được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn

Email: vmhie0985@gmail.com

trước đây không chỉ phản ánh thực trạng chất lượng mà còn có ý nghĩa tham khảo đối với quá trình cải tiến chương trình trong bối cảnh áp dụng quy định mới.

Theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT, lĩnh vực Sức khỏe là “*lĩnh vực đào tạo bao gồm các nhóm ngành, nghề tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý cơ bản của sinh học trong chẩn đoán, xác định nguyên nhân và nguồn gốc của bệnh, biện pháp điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng, dự phòng và kiểm soát bệnh tật, quản lý và nâng cao sức khỏe; nghiên cứu sản xuất, phân phối, quản lý và sử dụng các loại thuốc phục vụ phòng, chống và điều trị bệnh cho con người*”; gồm 09 nhóm ngành đào tạo. Với đặc thù này, chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe không chỉ phụ thuộc vào nội dung chuyên môn mà còn liên quan chặt chẽ đến chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, hoạt động thực hành, phương pháp giảng dạy và hệ thống kiểm tra - đánh giá. Trong khi hệ thống kiểm định chất lượng CTĐT tại Việt Nam đã được triển khai tương đối rộng, việc phân tích có hệ thống kết quả kiểm định đối với riêng các CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe, đặc biệt là xác định những tiêu chí thường có kết quả “chưa đạt”, vẫn cần được làm rõ. Việc nhận diện các hạn chế phổ biến từ kết quả kiểm định có thể cung cấp căn cứ thực tiễn để các CSGD xác định những nội dung cần ưu tiên cải tiến trong quá trình triển khai chương trình và chuẩn bị cho các chu kỳ kiểm định tiếp theo. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng kết quả kiểm định chất lượng các CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe tại một số CSGD đại học ở Việt Nam, xác định các tiêu chí có tỷ lệ “chưa đạt” nổi bật và đề xuất một số giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô tả phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp, phân tích số liệu và thống kê mô tả. Cụ thể:

- Sử dụng cơ sở dữ liệu từ Bộ GDĐT: Dữ liệu sẽ được lấy từ website chính thức công khai thông tin về đảm bảo và kiểm định chất lượng GDĐH của Bộ GDĐT (<https://kdcldh.moet.gov.vn/>). Nhóm tác giả tiến hành thu thập, xử lý số liệu và các thông tin liên quan đến các CSGD, CTĐT đã được kiểm định. Số liệu được lấy đến thời điểm hết tháng 12/2025;

- Thu thập thông tin từ các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Nghiên cứu tiến hành thu thập và khai thác thông tin về nghị quyết của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng, và kết quả kiểm định chất lượng được công bố trên các website chính thức của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, bao gồm các tổ chức sau: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA); Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA); Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C); Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON); Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG). Số liệu được lấy đến thời điểm hết tháng 12/2025;

- Thống kê mô tả: Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả bằng phần mềm Excel và SPSS để thực hiện phân tích dữ liệu.

2.2. Mẫu nghiên cứu

Sau khi tiến hành thu thập và làm sạch dữ liệu, nghiên cứu tiến hành phân tích dữ liệu về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 13 CSGD đại học trên cả nước, có các CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe đã được kiểm định chất lượng bởi 05 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (47 CTĐT). Mẫu nghiên cứu được mô tả cụ thể theo bảng 1 như sau:

Bảng 1: Bảng thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

	Thống kê	Số lượng	Phần trăm
CSGD	Trường ĐH Y tế công cộng	01	2,13%
	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	01	2,13%
	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	01	2,13%
	Trường ĐH Tây Đô	01	2,13%
	ĐH Phenikaa	02	4,26%
	Trường ĐH Thăng Long	03	6,38%
	Trường ĐH Y-Dược, ĐH Thái Nguyên	03	6,38%
	Trường ĐH Y Dược Thái Bình	04	8,51%
	Trường ĐH Y Dược, ĐH Quốc gia Hà Nội	04	8,51%
	Trường ĐH Y Hà Nội	04	8,51%
	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	06	12,77%
	Trường ĐH Dược Hà Nội	07	14,89%
	Trường ĐH Y dược Cần Thơ	10	21,28%
Nhóm ngành	Quản lý Y tế	01	2,13%
	Dinh dưỡng	02	4,26%
	Điều dưỡng - hộ sinh	03	6,38%
	Răng - Hàm - Mặt (Nha khoa)	03	6,38%
	Y tế công cộng	04	8,51%
	Kỹ thuật Y học	05	10,64%
	Dược học	13	27,66%
	Y học	16	34,04%
Tổ chức KĐCLGD tiến hành quy trình KĐCLGD	CEA-THANGLONG	05	10,64%
	CEA-SAIGON	07	14,89%
	VNU-CEA	07	14,89%
	CEA-AVU&C	11	23,40%
	VNU-HCM CEA	17	36,17%

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ lĩnh vực sức khỏe tại một số cơ sở đào tạo

Sau khi tiến hành thu thập và khai thác thông tin công khai từ website chính thức về đảm bảo và kiểm định chất lượng GDĐH của Bộ GDĐT (<https://kdcldh.moet.gov.vn/>) và website chính thức của 05 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả được mô tả theo bảng 2 như sau:

Bảng 2: Kết quả KĐCL giáo dục các CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực sức khỏe tại 13 CSGD

Chỉ số	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Mức trung bình tiêu chuẩn	4,09	3,80	4,37
Mức trung bình tiêu chí	4,11	3,80	4,38
Số tiêu chí đạt	46,53	40	50
Tỷ lệ tiêu chí đạt (%)	93,06	80	100

Nguồn: Kết quả thống kê của nhóm tác giả

Bảng dữ liệu cho thấy các mức trung bình tiêu chuẩn, mức trung bình tiêu chí, số tiêu chí Đạt, và tỉ

lệ số tiêu chí Đạt của 13 CSGD có 47 CTĐT, với điểm trung bình của mức trung bình tiêu chuẩn là 4.09, mức trung bình tiêu chí là 4.11, số lượng tiêu chí đạt mức “đạt” trung bình là 47, và tỉ lệ số tiêu chí đạt là 93% (trong khoảng từ 80% đến 100%). So chiếu với mức đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDĐH quy định bởi Bộ GDĐT cho thấy, 100% các CTĐT trên đều đạt điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT. Điều này cho thấy hầu hết các CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe tại các CSGD trên đều đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT theo quy định của Bộ GDĐT.

3.2. Thực trạng về số tiêu chí chưa đạt của các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ lĩnh vực sức khỏe tại một số cơ sở đào tạo

Nghiên cứu tiến hành tổng hợp kết quả đánh giá đạt/chưa đạt của 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT đối với 47 CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe, đồng thời đối chiếu với kết quả của 2.530 CTĐT đã được kiểm định trên cả nước. Kết quả tại bảng 3 cho thấy bốn tiêu chí có tỷ lệ chương trình được đánh giá “chưa đạt” nổi bật là Tiêu chí 1.2, 2.2, 3.2 và 5.3. Kết quả cụ thể thể hiện ở bảng 3 như sau:

Bảng 3: Thống kê số lượng các tiêu chí “chưa đạt” của các CTĐT

	2530 CTĐT cả nước		47 CTĐT trong 13 CSGD	
Tiêu chí	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
Tiêu chí 1.2	907	35,85	20	42,55
Tiêu chí 2.2	1048	41,42	14	29,79
Tiêu chí 3.2	1952	77,15	22	46,81
Tiêu chí 5.3	2026	80,08	33	70,21

Nguồn: Kết quả thống kê của nhóm tác giả

Đối với 47 chương trình thuộc mẫu nghiên cứu, tỷ lệ “chưa đạt” lần lượt là 42,55% ở Tiêu chí 1.2; 29,79% ở Tiêu chí 2.2; 46,81% ở Tiêu chí 3.2 và 70,21% ở Tiêu chí 5.3. Ở nhóm 2.530 chương trình trên cả nước, các tỷ lệ tương ứng là 35,85%; 41,42%; 77,15% và 80,08%. Mặc dù mức độ khác nhau giữa hai nhóm, kết quả cho thấy những vấn đề liên quan đến chuẩn đầu ra, đề cương học phần, sự đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá kết quả học tập là những nội dung cần được quan tâm trong quá trình cải tiến chương trình. Vì vậy, nghiên cứu tập trung phân tích bốn tiêu chí này.

3.2.1. Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

Trong 47 chương trình được nghiên cứu, có 20 chương trình, tương ứng 42,55%, được đánh giá “chưa đạt” ở Tiêu chí 1.2. Kết quả này cho thấy mặc dù chuẩn đầu ra của các chương trình nhìn chung đã được xây dựng và công bố, nhưng một số chương trình vẫn cần làm rõ hơn mức độ năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp. Cụ thể như khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng đối với CTĐT thạc sĩ ngành Y học dự phòng của Trường Đại học Y Hà Nội, trong đó yêu cầu điều chỉnh và biểu đạt lại các cấp độ cần đạt của chuẩn đầu ra để thuận lợi hơn cho việc xác định nội dung, phương pháp dạy học và đo lường, đánh giá. Khuyến nghị này cho thấy vấn đề không chủ yếu nằm ở việc thiếu chuẩn đầu ra mà ở mức độ cụ thể, khả năng đo lường và sự liên kết của chuẩn đầu ra với các hoạt động đào tạo. Do vậy, một số chương trình cần tiếp tục rà soát cách diễn đạt chuẩn đầu ra theo hướng cụ thể và có khả năng đo lường, đồng thời phản ánh đầy đủ những năng lực đặc thù của đào tạo sau đại học lĩnh vực Sức khỏe như kiến thức chuyên sâu, năng lực nghiên cứu, thực hành chuyên môn và phối hợp trong hoạt động nghề nghiệp. Chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng là cơ sở để thiết kế nội dung chương trình, lựa chọn phương pháp giảng dạy và xây dựng công cụ đánh giá phù hợp.

3.2.2. Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

Có 14/47 chương trình, chiếm 29,79%, được đánh giá “chưa đạt” ở Tiêu chí 2.2. Đây là tỷ lệ thấp nhất trong bốn tiêu chí được tập trung phân tích nhưng vẫn cho thấy một số hạn chế trong việc xây dựng

3.3. Đề xuất giải pháp

Dựa trên kết quả phân tích các tiêu chí có tỷ lệ “chưa đạt” nổi bật, nghiên cứu đề xuất ba nhóm giải pháp chính nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe, cụ thể như sau:

3.3.1. Hoàn thiện chuẩn đầu ra của CTĐT, các CSGD cần tổ chức rà soát chuẩn đầu ra với sự tham gia của giảng viên, chuyên gia chuyên môn, cơ sở thực hành và các bên liên quan. Chuẩn đầu ra cần được biểu đạt cụ thể, có khả năng đo lường và phản ánh rõ yêu cầu về kiến thức chuyên sâu, năng lực nghiên cứu, thực hành chuyên môn và các năng lực nghề nghiệp phù hợp với từng ngành đào tạo. Việc sử dụng thang Bloom hoặc tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam có thể hỗ trợ xác định rõ mức độ năng lực cần đạt. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế rà soát định kỳ và lưu giữ đầy đủ minh chứng về việc lấy ý kiến, điều chỉnh và cập nhật chuẩn đầu ra; tham chiếu các chuẩn quốc tế phù hợp nhằm tăng tính hội nhập của chương trình.

3.3.2. Hoàn thiện đề cương học phần và ma trận đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra, các CSGD cần chuẩn hóa cấu trúc đề cương, bảo đảm sự liên kết giữa chuẩn đầu ra học phần, nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá. Ma trận liên kết cần thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần đối với chuẩn đầu ra chương trình, tránh xác định chủ yếu dựa trên kinh nghiệm hoặc nhận định chủ quan. Bên cạnh đó, cần tổ chức tập huấn cho giảng viên về xây dựng chuẩn đầu ra học phần, ma trận liên kết và thiết kế hoạt động đánh giá; thực hiện rà soát định kỳ đề cương và có minh chứng về các nội dung được cập nhật. Các chương trình cũng cần cân nhắc tăng cường những học phần tự chọn hoặc nội dung chuyên sâu có tính ứng dụng như thực hành lâm sàng, nghiên cứu độc lập và nghiên cứu tình huống để nâng cao sự gắn kết giữa chương trình và thực tiễn nghề nghiệp.

3.3.3. Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập, cần đa dạng hóa các hình thức đánh giá phù hợp với đặc thù đào tạo trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe, kết hợp giữa thi viết, trắc nghiệm, làm việc nhóm, hồ sơ nghiên cứu, đánh giá dựa trên tình huống lâm sàng và đánh giá thực hành. Các công cụ đánh giá cần có tiêu chí hoặc rubric rõ ràng và được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra cần đo lường. Đồng thời, các CSGD cần từng bước thực hiện phân tích đề thi, câu hỏi thi và kết quả đánh giá để kiểm chứng độ tin cậy, độ giá trị và tính công bằng; qua đó sử dụng kết quả phân tích làm căn cứ cải tiến phương pháp đánh giá và nâng cao khả năng đo lường chính xác năng lực của người học.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh chuyển đổi số, các CSGD cũng cần tích hợp công nghệ số: sử dụng LMS tích hợp AI để tự động rà soát, cập nhật CDR, đề cương học phần và ma trận liên kết theo thời gian thực; áp dụng phân tích dữ liệu lớn và AI phân tích mức đóng góp học phần vào CDR một cách khách quan. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh đào tạo, hợp tác nền tảng y tế số (Telemedicine, ...) và tham chiếu chuẩn quốc tế (WHO Digital Health) kỹ năng số cho giảng viên cũng sẽ giúp khắc phục hạn chế về công nghệ thông tin hiện tại, đáp ứng nguồn nhân lực y tế số hóa.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích kết quả kiểm định chất lượng của 47 CTĐT trình độ thạc sĩ lĩnh vực Sức khỏe tại 13 CSGD đại học. Kết quả cho thấy các chương trình nhìn chung đạt mức đánh giá tích cực, với mức trung bình tiêu chí là 4,11 và tỷ lệ tiêu chí đạt trung bình khoảng 93%, dao động từ 80% đến 100%. Tuy nhiên, bốn tiêu chí có tỷ lệ “chưa đạt” đáng chú ý gồm Tiêu chí 1.2 về chuẩn đầu ra, Tiêu chí 2.2 về đề cương học phần, Tiêu chí 3.2 về sự đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra và Tiêu chí 5.3 về phương pháp đánh giá kết quả học tập. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất tập trung hoàn thiện chuẩn đầu ra; tăng cường sự liên kết giữa đề cương học phần, nội dung đào tạo và chuẩn đầu ra; đồng thời đa dạng hóa và nâng cao chất lượng phương pháp đánh giá kết quả học tập. Các giải pháp này có thể góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục cải tiến chương trình một cách có hệ thống, đáp ứng tốt hơn yêu cầu bảo đảm chất lượng đào tạo sau đại học lĩnh vực Sức khỏe và yêu cầu của các chu kỳ kiểm định tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013). *Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- Cục Quản lý chất lượng (2019). *Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD*.
- Nguyễn, Đ. C. (2002). *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyen, T. H., Bui, T. T. Q., Le, T. V., Do, T. H. T., Nguyen, T. Q. C., Le, Q. C., & Hoang, V. M. (2025). Public health education and training in Viet Nam: Adaptations are needed for better responses to new public health needs. *Public Health Reviews*, 46, 1608066. <https://doi.org/10.3389/phrs.2025.1608066>
- Sái, C. H., Lê, T. H., Lê, T. H. H., & Lê, Đ. N. (2020). *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học* (Tái bản lần thứ 2). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- SEAMEO RIHED. (2012). *Quality assurance in higher education in Southeast Asia*. Southeast Asian Ministers of Education Organization Regional Centre for Higher Education and Development.
- Ta, T. T. H., Mai, T. N., Nguyen, T. T. H., Vu, M. P., & Nguyen, C. U. (2022). Higher education quality assurance and accreditation and university autonomy implementation in Vietnam. *VNU Journal of Science: Education Research*, 38(2), 83-101. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4660>
- Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân*.
- UNESCO. (2019). *Global Convention on the Recognition of Qualifications concerning Higher Education*. UNESCO.
- Võ, P. Q., Đào, P. L., & Nguyễn, K. N. (2018). Chất lượng chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Cần Thơ qua ý kiến của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(4C), 148–158. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.080>
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
- Website chính thức công khai thông tin về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học: <https://kdcldh.moet.gov.vn/>
- Website chính thức của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam; Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn; Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long.